

# Hempaprimé Multi 500

## Đặc tính sản phẩm

### Mô tả sản phẩm

Hempaprimé Multi 500 là loại sơn epoxy nhanh khô, có hàm lượng rắn cao. Nó cung cấp lớp bảo vệ lâu dài và bền bỉ trong hệ thống lớp phủ dành cho những môi trường có tính ăn mòn nghiêm trọng. Sản phẩm đáp ứng yêu cầu của ISO 12944 phần 5, 2019 khi dùng làm một phần trong hệ thống sơn được xác định trước.

### Khuyến cáo sử dụng

Hempaprimé Multi 500 được khuyến dùng làm sơn lớp giữa có hàm lượng rắn cao, tạo nên hệ sơn hoàn hảo tại những nơi yêu cầu xử lý nhanh và thời gian sơn lại ngắn. Nhờ vào tính nhanh khô - tối đa nhanh gấp hai lần so với các sản phẩm cạnh tranh tương đương - sản phẩm này rất phù hợp sử dụng trong những dự án mà thời gian triển khai nhanh là yếu tố quan trọng. Sản phẩm cũng có thể được sử dụng làm sơn bề mặt có độ bền cao, sử dụng như sơn lót và làm lớp sơn hoàn thiện ngoài cùng trong hệ thống sơn phủ có độ bền cao. Thích hợp để sử dụng ở nhiệt độ thấp tới 10°C [50°F]. Sản phẩm có vài sắc độ màu MIO như 18021 và 18061. Cả hai có 80% hàm lượng MIO (hàm lượng chất rắn giảm xuống 77 ± 2 %).

### Nhiệt độ sử dụng

- Tối đa, chỉ trong môi trường khô: 120°C [248°F].

### Chứng nhận / Phê duyệt

- Đáp ứng các yêu cầu đối với ISO 12944, khi được sử dụng như một phần của hệ thống sơn được xác định trước. Part 6, Im2; Part 9, CX.
- Đáp ứng các yêu cầu đối với NORSOK M-501, khi được sử dụng như một phần của hệ thống sơn được xác định trước. Edition no. 6, System 1.

### Tính năng

- Sơn lại nhanh.
- Chống nứt trong lớp sơn dày.
- VOC thấp.
- Sẵn sàng sử dụng – đặc tính sơn tối ưu.
- Bề mặt độ bền cao.

## An toàn sản phẩm

Điểm chớp cháy 25°C [77°F]

### Hàm lượng VOC sản phẩm trộn

Cơ sở pháp lý	Giá trị
EU	196 g/L [1,64 lb/US gal]
Hoa Kỳ (sơn phủ)	196 g/L [1,64 lb/US gal]
Hoa Kỳ (định kỳ)	196 g/L [1,64 lb/US gal]
Canada	196 g/L [1,64 lb/US gal]
Trung Quốc	196 g/L [1,64 lb/US gal]
Hồng Kông	196 g/L [1,64 lb/US gal]
Hàn Quốc	196 g/L [1,64 lb/US gal]

Theo quy tắc cụ thể, xem chi tiết trong phần Chú giải trên trang web của Hempel (hempel.com) hoặc trang web Hempel dành cho địa phương của bạn. Giá trị VOC có thể thay đổi theo loại sơn bóng, vui lòng tham khảo Bảng dữ liệu an toàn, phần 9.

### Đưa vào sử dụng

Xử lý thận trọng. Trước và trong khi sử dụng, tuân thủ nhãn an toàn trên bao bì và thùng chứa sơn và tuân theo tất cả các quy định an toàn tại địa phương và quốc gia. Luôn tham khảo Bảng dữ liệu an toàn của Hempel cho sản phẩm này cùng với Bảng thông số sản phẩm.

Chỉ sử dụng ở môi trường chuyên nghiệp.

## Dữ liệu sản phẩm

### Mã sản phẩm

45950

### Thành phần có trong sản phẩm

Phần A 45959  
Chất đóng rắn 95090

### Màu tiêu chuẩn\* / mã màu

Đỏ nâu 50630 \*\*

# Hempaprimite Multi 500

## Độ bóng

Độ bóng vừa

## Hàm lượng chất rắn theo thể tích

85 ± 2%

## Trọng lượng riêng

1,4 kg/L [12 lb/US gal]

## Độ dày lớp sơn khô tham chiếu

150 micron [5,9 mils]

## Màu chứa MIO / mã màu

Xám 12430

## Độ bóng

Độ bóng vừa

## Thể tích sơn khô

85 ± 2%

## Trọng lượng riêng

1,6 kg/L [14 lb/US gal]

## Độ dày lớp sơn khô tham chiếu

150 micron [5,9 mils]

## Xử lý bề mặt

### Độ sạch

- Loại bỏ dầu, mỡ và các chất bẩn khác bằng chất tẩy rửa thích hợp.
- Loại bỏ muối, chất tẩy rửa, chất bẩn và sinh vật biển bám trên tàu bằng nước áp lực cao.

### Đóng mới:

- Mài bề mặt bằng ma sát tới tối thiểu Sa 2½ (ISO 8501-1) / SP 10 (SSPC).
- Loại bỏ bụi, vật liệu mài và các vật rời.

### Bảo trì và Sửa chữa

- Mài điểm trên bề mặt bằng ma sát tới tối thiểu PSa 2 (ISO 8501-2) / SP 6 (SSPC).
- Đối với diện tích nhỏ, hãy làm sạch bằng tay hoặc dụng cụ điện thay vì vật liệu mài.
- Phun tia nước tới mức tối thiểu Wa 2 (ISO 8501-4).
- Độ gỉ sét loang tối đa FR M (ISO 8501-4).
- Loại bỏ bụi, vật liệu mài và các vật rời.

### Độ nhám

- Hình thức bề mặt Trung bình (G) (ISO 8503-2)

Tham khảo Hướng dẫn Xử lý Bề mặt riêng của Hempel để biết thêm chi tiết.

## Thi công sơn

### Tỉ lệ pha trộn

Phần A 45959 : Chất đóng rắn 95090  
(4 : 1 theo thể tích)

Khuấy đều trước khi sử dụng.

### Dung môi pha loãng

Hempel's Thinner 08450

### Chất làm sạch

Hempel's Tool Cleaner 99610  
Hempel's Thinner 08450

# Hempaprime Multi 500

## Thời gian sống sau khi trộn

Nhiệt độ sản phẩm	10°C [50°F]	20°C [68°F]	30°C [86°F]
Thời gian sống sau khi trộn	2½ giờ	1 giờ	½ giờ

## Phương pháp sơn

Công cụ	Pha loãng thể tích tối đa	Thông số ứng dụng
Phun sơn không dùng khí nén	5%	Áp lực tại đầu béc phun: 225 bar [3300 psi] Cỡ béc phun: 0.019-0.023"
Cọ quét/Con lăn	5%	Không áp dụng

Dữ liệu máy phun mang tính biểu thị và có thể bị điều chỉnh. Áp suất cho nhiệt độ vật liệu 20°C [68°F].

## Độ dày lớp sơn

Dải thông số kỹ thuật	Thấp	Cao	Khuyến dùng
Độ dày màng sơn khô	100 micron [3,9 mils]	250 micron [10 mils]	150 micron [5,9 mils]
Độ dày màng sơn ướt	120 micron [4,7 mils]	300 micron [12 mils]	175 micron [6,9 mils]
Định mức phủ lý thuyết	8,5 m²/L [350 sq ft/US gal]	3,4 m²/L [140 sq ft/US gal]	5,6 m²/L [230 sq ft/US gal]

Sản phẩm có thể được chỉ định với độ dày lớp sơn khác so với thông số tùy theo mục đích và khu vực sử dụng. Điều này sẽ thay đổi tốc độ tán sơn, thời gian khô và lưu hóa và khoảng thời gian sơn lại. Để có hiệu quả tốt nhất, hãy tránh sơn lớp sơn quá dày.

## Điều kiện thi công sơn

- Nhiệt độ sơn tối ưu để trộn, bơm và phun thích hợp là: 20°C [68°F].
- Để tránh ngưng tụ, sơn trên bề mặt sạch và khô với nhiệt độ tối thiểu bằng 3°C [5°F] trên điểm đọng sương.
- Nhiệt độ bề mặt phải trên 10°C [50°F] trong thời gian sơn và lưu hóa.

## Lưu ý khi sơn

- Sản phẩm yêu cầu sử dụng thiết bị phun sơn công suất cao; ống phun phải càng ngắn càng tốt.

## Thời gian khô và lớp phủ kế

### Sản phẩm tương thích

- Lớp sơn trước: Không có hoặc theo thông số kỹ thuật của Hempel.
- Lớp sơn kế: Không có hoặc theo thông số kỹ thuật của Hempel. Các sản phẩm khuyến dùng là: Hempadur, Hempaprime, Hempthane

### Thời gian khô sơn

Nhiệt độ bề mặt		10°C [50°F]	20°C [68°F]	30°C [86°F]	40°C [104°F]
Khô sờ được	giờ	2½	1	¾	½
Khô bề mặt	giờ	5½	2½	1	½
Khô cứng	giờ	8	3½	1½	¾

Được xác định cho độ dày màng sơn bằng 150 micron [5.9 mils] ở điều kiện tiêu chuẩn, xem phần Chú giải của Hempel để biết thêm chi tiết.

### Lớp phủ

Thông số kỹ thuật của Hempel được ưu tiên áp dụng hơn mọi hướng dẫn trong bảng sơn phủ

Tên phẩm chất		10°C [50°F]	20°C [68°F]	30°C [86°F]	40°C [104°F]
Khô khí quyển, trung bình					
Hempaprime Multi 500	Tối thiểu	7 giờ	3 giờ	120 phút	90 phút
	Tối đa	Mở rộng*	Mở rộng	Mở rộng	Mở rộng
Hempthane HS 55610	Tối thiểu	7 giờ	3 giờ	120 phút	90 phút
	Tối đa	Mở rộng*	Mở rộng	Mở rộng	Mở rộng
Khô khí quyển, nặng					
Hempaprime Multi 500	Tối thiểu	7 giờ	3 giờ	120 phút	90 phút
	Tối đa	47 ngày	21 ngày	14 ngày	10 ngày
Hempthane HS 55610	Tối thiểu	7 giờ	3 giờ	120 phút	90 phút
	Tối đa	16 ngày	7 ngày	5 ngày	3½ ngày

Sản phẩm có cùng tính chất hóa học sẽ cho biết số lần sơn phủ. Tham khảo thông số kỹ thuật của Hempel để biết thêm thông tin.

### Điều kiện khô sơn

- Để đạt được thời gian khô sơn như đã nêu, quan trọng là phải duy trì đủ thông gió trong quá trình sơn, chờ khô và đóng rắn.
- Theo Thông số kỹ thuật của Hempel.

# Hempaprimel Multi 500

## Chi tiết về công tác sơn lại

- Nếu vượt quá thời gian phủ tối đa, cần mài nhám bề mặt để đảm bảo độ bám dính của lớp sơn.
- Bề mặt phải khô và sạch sẽ trước khi sơn.

## Các lưu ý khác

- Bản thân sơn phủ epoxy có xu hướng bị phai khi sử dụng ngoài trời. Điều này không ảnh hưởng đến hiệu suất của lớp sơn.
- Thông số kỹ thuật của Hempel được ưu tiên áp dụng hơn mọi khuyến nghị được đưa ra trong Bảng dữ liệu sản phẩm.

## Lưu trữ

### Hạn dùng

Nhiệt độ môi trường	25°C [77°F]	35°C [95°F]
Phần A	24 tháng	16 tháng
Chất đóng rắn	24 tháng	16 tháng

Thời hạn sử dụng khi bảo quản trên kệ tính từ ngày sản xuất, khi bảo quản trong bao bì gốc, đóng kín. Sau thời hạn đó, phải kiểm tra lại chất lượng sản phẩm. Luôn kiểm tra thời hạn sử dụng tốt nhất hoặc ngày hết hạn trên nhãn.

### Điều kiện bảo quản

- Sản phẩm phải được bảo quản theo quy định pháp luật tại địa phương, tối đa 40°C [104°F], không tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng mặt trời và tránh mưa và tuyết.

## Tài liệu bổ sung

Có các thông tin khác trên trang web của Hempel [hempel.com](http://hempel.com) hoặc trang web Hempel ở địa phương của bạn:

- Chú thích giải thích các trường trong Bảng dữ liệu sản phẩm này.
- Hướng dẫn Xử lý Bề mặt.
- Hướng dẫn Sơn cho các phương pháp sơn khác nhau.
- Hướng Dẫn Sơn Chung

Bảng dữ liệu sản phẩm này ("PDS") có liên quan đến sản phẩm được cung cấp ("Sản phẩm") và có thể được cập nhật liên tục. Theo đó, người mua/người áp dụng chỉ nên xem bảng PDS được cung cấp cùng với lô Sản phẩm có liên quan (không phải của phiên bản trước đó). Ngoài PDS, người mua/người áp dụng có thể nhận được một số hoặc tất cả các thông số kỹ thuật, báo cáo và/hoặc hướng dẫn được liệt kê dưới đây hoặc có sẵn từ trang web của Hempel trong mục 'Sản phẩm' tại [www.hempel.com](http://www.hempel.com) ("Tài liệu bổ sung"):

No.	Mô tả tài liệu	Địa điểm/ý kiến
1.	Báo cáo kỹ thuật	Tư vấn cụ thể một lần được cung cấp theo yêu cầu cho các dự án cụ thể
2.	Thông số kỹ thuật	Chỉ phát hành cho các dự án cụ thể
3.	PDS	Tài liệu này
4.	Chú giải Bảng dữ liệu sản phẩm	Đăng trên <a href="http://www.hempel.com">www.hempel.com</a> và có thông tin liên quan về các thông số kiểm tra Sản phẩm
5.	Hướng dẫn thi công	Nếu có sẵn, tại <a href="http://www.hempel.com">www.hempel.com</a>
6.	Hướng dẫn kỹ thuật chung (ví dụ: cho thi công sơn và chuẩn bị bề mặt)	Nếu có sẵn, tại <a href="http://www.hempel.com">www.hempel.com</a>

Trong trường hợp có xung đột thông tin giữa PDS và Tài liệu bổ sung, thứ tự ưu tiên của thông tin sẽ theo thứ tự như quy định ở trên. Trong trường hợp như vậy, bạn cũng nên liên hệ với đại diện của mình tại Hempel để làm rõ. Hơn nữa, người mua/người áp dụng phải tuân thủ đầy đủ Bảng Dữ liệu An toàn được cung cấp cho mỗi Sản phẩm và cũng có thể được tải xuống từ [www.hempel.com](http://www.hempel.com).

Hempel sẽ không chịu trách nhiệm về khuyết tật Sản phẩm nếu Sản phẩm không được sử dụng theo các khuyến nghị và yêu cầu được nêu trong PDS có liên quan và Tài liệu bổ sung. Thông tin và các điều khoản miễn trừ trách nhiệm này áp dụng cho PDS này, Tài liệu bổ sung và bất kỳ loại tài liệu khác của Hempel liên quan đến Sản phẩm. Ngoài ra, Sản phẩm và tất cả các hỗ trợ kỹ thuật được cung cấp đều tuân theo Điều kiện Bán hàng, Giao hàng và Dịch vụ chung của Hempel, trừ khi được thỏa thuận rõ ràng khác bằng văn bản.